




# Màn hình Dell S3222DGM

## SỔ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: S3222DGM  
Mẫu quy chuẩn: S3222DGMc



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết khả năng thiệt hại phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không tuân thủ các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2021 – 07

Bản sửa đổi A02



# Mục lục

<b>Hướng dẫn an toàn</b>	<b>6</b>
<b>Giới thiệu về màn hình</b>	<b>7</b>
Phụ kiện đóng gói	7
Tính năng sản phẩm	9
<b>Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển</b>	<b>11</b>
Mặt trước	11
Mặt sau	12
Mặt bên cạnh	14
Mặt dưới	14
<b>Thông số kỹ thuật màn hình</b>	<b>16</b>
Thông số kỹ thuật độ phân giải	18
Chế độ video hỗ trợ	18
Chế độ hiển thị cài sẵn	19
Đặc tính vật lý	22
Đặc tính môi trường	23
<b>Tính năng Cắm Là Chạy</b>	<b>24</b>
<b>Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD</b>	<b>24</b>
<b>Lắp đặt màn hình</b>	<b>25</b>
<b>Cắm giá đỡ</b>	<b>25</b>
<b>Kết nối màn hình</b>	<b>27</b>
Kết nối cáp HDMI và DisplayPort 1.2	27
<b>Bộ trí các loại cáp</b>	<b>28</b>



Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn) . . . . .	29
Tháo giá đỡ . . . . .	30
Giá treo tường (tùy chọn). . . . .	31
<b>Sử dụng màn hình . . . . .</b>	<b>32</b>
Bật nguồn màn hình. . . . .	32
Sử dụng điều khiển nút chuyển hướng . . . . .	32
Mô tả nút chuyển hướng. . . . .	33
Sử dụng các nút điều khiển . . . . .	33
Các nút điều khiển . . . . .	34
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD). . . . .	35
Truy cập hệ thống menu . . . . .	35
Khoá nút menu và nguồn . . . . .	44
Thông tin cảnh báo OSD . . . . .	47
Cài đặt độ phân giải tối đa . . . . .	50
Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc . . . . .	51
Mở rộng nghiêng . . . . .	51
Kéo dài chiều dọc . . . . .	51
Thiết kế công thái học . . . . .	52
Cầm nắm và di chuyển màn hình . . . . .	54
Hướng dẫn bảo dưỡng . . . . .	55
Vệ sinh màn hình . . . . .	55
<b>Khắc phục sự cố . . . . .</b>	<b>56</b>
Tự kiểm tra. . . . .	56
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	58
Các sự cố thường gặp . . . . .	60



Sự cố liên quan đến sản phẩm . . . . . 63

**Phụ lục. . . . . 64**

    Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác . . . . . 64


    Liên hệ với Dell . . . . . 64


    Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm . . . . . 64



# Hướng dẫn an toàn

Sử dụng các hướng dẫn an toàn sau đây để bảo vệ màn hình khỏi thiệt hại tiềm ẩn và để đảm bảo an toàn cho cá nhân bạn. Trừ khi có ghi chú khác, mỗi quy trình có trong tài liệu này cho rằng bạn đã đọc thông tin an toàn gửi kèm theo màn hình.

 **Trước khi sử dụng màn hình, hãy đọc thông tin an toàn được gửi kèm theo màn hình cũng như được in trên sản phẩm. Lưu giữ tài liệu ở nơi an toàn để tham khảo sau này.**

 **CHÚ Ý: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.**

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và cầm giữ cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va chạm với vật nhọn.
- Đảm bảo rằng màn hình được phân loại về điện để hoạt động với nguồn AC có sẵn tại khu vực của bạn.
- Đặt màn hình trong môi trường nhiệt độ phòng. Điều kiện lạnh hoặc nóng quá mức có thể có ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
- Cắm cáp nguồn từ màn hình vào ổ cắm trên tường gần kề và dễ tiếp cận. Xem [Kết nối màn hình](#).
- Không đặt và sử dụng màn hình trên bề mặt ẩm ướt hoặc gần nước.
- Không đặt màn hình ở nơi bị rung động hoặc tạc động mạnh. Ví dụ: không đặt màn hình bên trong cốp xe ô tô.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không thử tháo bất kỳ nắp đậy nào hoặc chạm vào bên trong màn hình.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng. Giữ lại giấy tờ này để tham khảo trong tương lai. Làm theo các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
- Các áp suất âm thanh quá mức từ tai nghe có thể làm mất thính giác. Điều chỉnh bộ hiệu chỉnh để tăng tối đa lượng điện áp ra của tai nghe, dẫn đến tăng mức áp suất âm thanh.
- Thiết bị có thể được gắn trên tường hoặc giá treo trần nhà ở vị trí nằm ngang.







# Giới thiệu về màn hình

## Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn có kèm theo các phụ kiện được nêu trong bảng dưới đây. Nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào, hãy liên hệ với Dell. Để biết thêm chi tiết, xem [Liên hệ với Dell](#).

**✎ LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Màn hình
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)



	Cáp HDMI 2.0 (1,8 m)
	Cáp DisplayPort 1.2 (1,8 m)
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Hướng dẫn cài đặt nhanh</li><li>• Thông tin an toàn, môi trường và quy định</li></ul>






## Tính năng sản phẩm

Màn hình Dell S3222DGM tích hợp một màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động với tranzito màng mỏng (TFT), tính năng chống tĩnh điện và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- Hiển thị vùng xem 80,01 cm (31,5 inch) (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 2560 x 1440, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Công nghệ AMD FreeSync™ Premium - giúp giảm thiểu các biến dạng đồ họa như hiện tượng rách hình và giật hình để chơi game mượt mà và suôn sẻ hơn.
- Hỗ trợ tốc độ làm mới 144 Hz & 165 Hz và thời gian phản hồi nhanh 1 ms ở chế độ **MPRT**.

 **LƯU Ý:** Mức 1 ms có thể đạt được ở chế độ MPRT (Cực độ) để giảm độ nhòe chuyển động có thể nhìn thấy và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, chế độ này có thể đưa một số vật lạ trực quan nhẹ và có thể nhìn thấy vào hình ảnh. Vì mọi cài đặt hệ thống và mọi nhu cầu của người chơi đều khác nhau, chúng tôi khuyên người dùng nên thử nghiệm các chế độ khác nhau để tìm kiếm cài đặt phù hợp với họ.

- Gam màu 99% sRGB.
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DisplayPort và HDMI.
- Được kích hoạt với khả năng hỗ trợ VRR trên bảng điều khiển trò chơi.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi máy tính.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Các tính năng chơi game nâng cao như Bộ hẹn giờ, Bộ đếm tốc độ khung hình và Bộ ổn định cảnh tối ngoài các chế độ chơi game nâng cao như FPS, MOBA/RTS, THỂ THAO hoặc RPG và 3 chế độ chơi game bổ sung để cá nhân hóa các tùy chọn ưu tiên của bạn.
- Giá đỡ rời và lỗ lắp giá treo 100mm tương thích chuẩn Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) cho các giải pháp lắp đặt linh động.
- Khả năng điều chỉnh độ nghiêng và chiều cao.
- Khe khóa an toàn.
- ≤0,3 W ở Chế độ chờ.



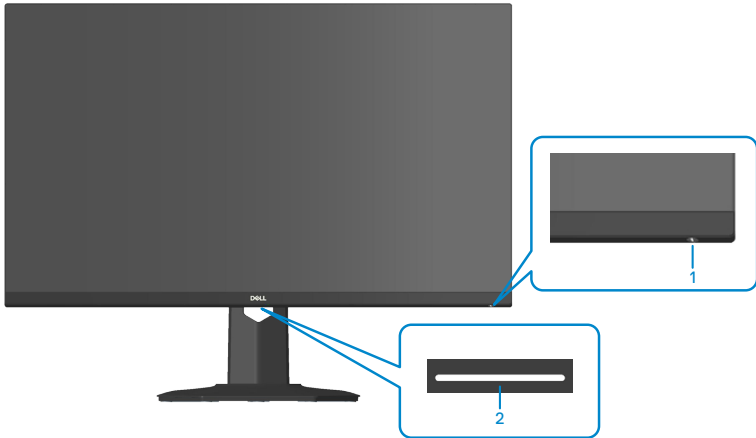
- Hỗ trợ Trình quản lý màn hình Dell
- Tính năng chuyển đổi bằng điều khiển cao cấp Dell giúp bạn yên tâm.
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt nhờ màn hình chống nháy và tính năng giảm thiểu ánh sáng xanh.

**⚠ CẢNH BÁO:** Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng ComfortView Plus được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.



# Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

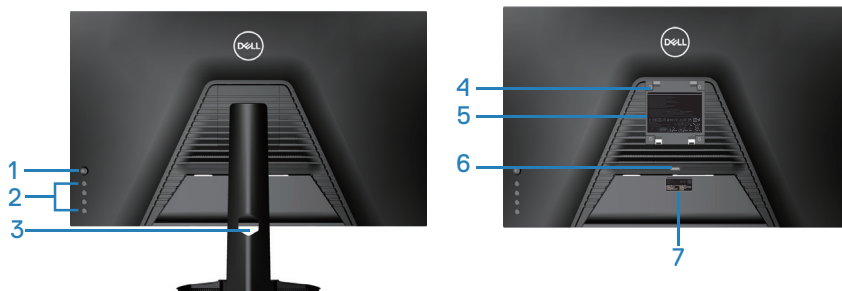
## Mặt trước



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút (Bật/Tắt) nguồn (có đèn trạng thái nguồn)	Để bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ.
2	Đèn nền	Khi màn hình được thiết lập hoàn toàn, hãy chạm cảm biến tiếp xúc để bật hoặc tắt đèn nền. (xem <a href="#">Đèn nền</a> ). Có thể kích hoạt hoặc ngưng kích hoạt tính năng này qua menu OSD ( <a href="#">Downlight (Đèn nền)</a> ). <b>LƯU Ý:</b> Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn <b>chỉ</b> có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.



## Mặt sau



Mặt sau với giá đỡ màn hình

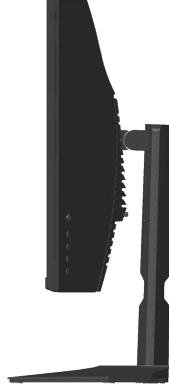
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút chuyển hướng	Sử dụng để điều khiển menu OSD. (Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Sử dụng màn hình</a> )
2	Các nút chức năng	Nhấn các nút chức năng để chỉnh các mục trong menu OSD. (Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Sử dụng màn hình</a> )
3	Khe cắm quản lý cáp	Dùng để sắp xếp cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này.
4	Lỗ gắn giá treo tường VESA (4)	Bốn lỗ gắn giá treo tường VESA (100 mm x 100 mm) để tiếp cận phía sau nắp đậy VESA dùng để gắn màn hình lên tường qua bộ giá treo tường tương thích VESA. Xem <a href="#">Giá treo tường (tùy chọn)</a> .
5	Nhãn thông tin quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
6	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ khỏi màn hình.



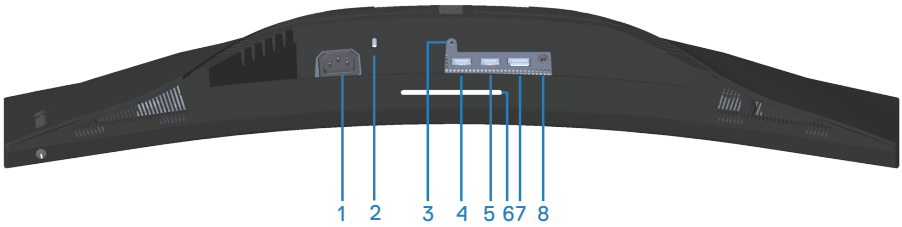
7	Nhãn quy định (bao gồm số seri kèm Mã vạch và Nhãn thẻ bảo trì)	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các linh kiện phần cứng trong máy tính của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
---	---	--



## Mặt bên cạnh



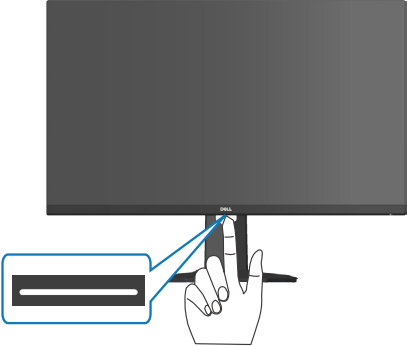
## Mặt dưới



### Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Giắc cắm điện	Kết nối cáp nguồn (gửi kèm màn hình).
2	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình của bạn bằng khóa an toàn (mua riêng) để tránh di chuyển trái phép màn hình. Xem <a href="#">Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)</a> .
3	Tính năng khóa giá đỡ	Để khóa giá đỡ vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (không bán kèm màn hình).
4	Cổng HDMI 1 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
5	Cổng HDMI 2 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.



6	Đèn nền	<p>Khi màn hình được thiết lập hoàn toàn, hãy chạm cảm biến tiếp xúc để bật hoặc tắt đèn nền.</p> <p>Cài đặt góc đang bật, vì vậy đèn nền sẽ hoạt động nếu đã cắm cáp nguồn</p>  <p><b>LƯU Ý:</b> Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn <b>chỉ</b> có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.</p>
7	Cổng DisplayPort 1.2	Kết nối máy tính bằng cáp DisplayPort.
8	Cổng cắm tai nghe	Kết nối với tai nghe.




## Thông số kỹ thuật màn hình

<b>Mẫu</b>	<b>S3222DGM</b>
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Căn chỉnh dọc
Hình có thể xem	
Chéo	800,1 mm (31,5 inch)
Vùng hoạt động ngang	697,3 mm (27,5 inch)
Vùng hoạt động dọc	392,3 mm (15,4 inch)
Vùng	273550.8 mm <sup>2</sup> (423.5 in. <sup>2</sup> )
Độ phân giải gốc và tốc độ làm mới	2560 x 1440 ở tần số 144 Hz (HDMI 2.0) 2560 x 1440 ở mức 165 Hz (DisplayPort 1.2)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,2724 mm x 0,2724 mm
Pixel/inch (PPI)	93
Góc xem	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Công suất độ sáng	350 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	3000:1 (chuẩn)
Lớp phủ bề mặt	SAG 40%, 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền





Thời gian phản hồi	<p>8 ms từ xám sang xám ở chế độ <b>Fast (Nhanh)</b>  4 ms từ xám sang xám ở chế độ <b>Super Fast (Siêu nhanh)</b>  2 ms từ xám sang xám ở chế độ <b>Extreme (Cực độ)</b>  1 ms từ xám sang xám ở chế độ <b>MPRT</b></p> <p> <b>LƯU Ý: Chế độ 2 ms từ xám sang xám có sẵn ở chế độ Extreme (Cực độ) để giảm độ nhòe chuyển động có thể nhìn thấy và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, chế độ này có thể đưa một số vật lạ trực quan nhẹ và có thể nhìn thấy vào hình ảnh. Vì mọi cài đặt hệ thống và mọi nhu cầu của người chơi đều khác nhau, chúng tôi khuyên người dùng nên thử nghiệm các chế độ khác nhau để tìm kiếm cài đặt phù hợp với họ.</b></p>
Độ cong	1800R (chuẩn)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu (RGB 8 bit )
Gam màu	≥ 99% sRGB
Kết nối	<p>2 cổng HDMI 2.0 tích hợp HDCP 2.2 (2560 x 1440, tối đa 144 Hz)</p> <p>1 cổng DisplayPort 1.2 tích hợp HDCP 2.2 (2560 x 1440, tối đa 165 Hz)</p> <p>1 x Cổng cắm tai nghe</p>
Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Trên	7,85 mm
Trái/Phải	7,92 mm
Dưới	24,10 mm
Khả năng điều chỉnh	



Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao	100 mm
Nghiêng	Từ -5° đến 21°
Quay	N/A
Điều chỉnh độ nghiêng	N/A
Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell	Easy Arrange và các tính năng chính khác
Độ an toàn	Khe cắm khóa an toàn (khóa cấp đặt mua riêng)

### Thông số kỹ thuật độ phân giải

<b>Mẫu</b>	<b>S3222DGM</b>
Dải quét ngang	30 kHz - 250 kHz (tự động)
Dải quét dọc	48 Hz tới 144 Hz (HDMI 2.0) 48 Hz tới 165 Hz (DisplayPort 1.2)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	2560 x 1440 với tần số 60 Hz với HDCP 2.2 2560 x 1440 với tần số 144 Hz tích hợp HDCP 2.2 (HDMI 2.2) 2560 x 1440 với tần số 165 Hz tích hợp HDCP 2.2 (DisplayPort 1.2)

### Chế độ video hỗ trợ

<b>Mẫu</b>	<b>S3222DGM</b>
Tính năng hiển thị video (HDMI/DisplayPort)	480p, 480i, 576p, 576i, 720p, 1080p, 1080i, QHD

 **LƯU Ý:** Màn hình này hỗ trợ Công nghệ AMD FreeSync™ Premium.



## Chế độ hiển thị cài sẵn

### Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 800	49,31	59,91	71,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	120,00	285,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	162,27	144,00	337,52	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,56	59,89	193,25	+/+
VESA, 2560 x 1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560 x 1440	222,06	144,00	592,00	+/-



## Chế độ hiển thị cài sẵn DisplayPort

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
IBM, 720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 640 x 480	31,47	59,94	25,18	-/-
VESA, 800 x 600	37,88	60,32	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,88	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,03	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,02	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,02	135,00	+/+
VESA, 1600 x 900	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	59,95	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,26	120,00	285,50	+/-
VESA, 1920 x 1080	166,59	143,98	346,50	+/-
VESA, 1920 x 1080	186,50	165,00	387,81	+/-
VESA, 1920 x 1200	74,56	59,89	193,25	-/+
VESA, 2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
VESA, 2560 x 1440	183,00	120,00	497,75	+/-
VESA, 2560 x 1440	222,15	143,97	604,25	+/-
VESA, 2560 x 1440	244,32	165,00	645,00	+/-



## Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	S3222DGM
Tín hiệu đầu vào video	HDMI 2.0 (HDCP), 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt  Cổng DisplayPort 1.2, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz/1,6 A (tối đa)
Dòng điện khởi động	120 V: 30 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)  240 V: 60 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)
Tiêu thụ điện	0,25 W (Chế độ tắt) <sup>1</sup> 0,3 W (Chế độ chờ) <sup>1</sup> 26 W (Chế độ bật) <sup>1</sup> 50 W (Tối đa) <sup>2</sup> 28 W (Pon) <sup>3</sup> 87,56 kWh (TEC) <sup>3</sup>

<sup>1</sup> Như được nêu trong Quy định EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

<sup>2</sup> Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối đa.

<sup>3</sup> Pon: Mức tiêu thụ điện của On Mode (Chế độ bật) được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện tính theo kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này.

Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.



## Đặc tính vật lý

<b>Mẫu</b>	<b>S3222DGM</b>
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm</li><li>• Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm</li></ul>
<b>Kích thước (có giá đỡ)</b>	
Chiều cao (đã kéo dài)	555,98 mm (21,89 inch)
Chiều cao (đã rút ngắn)	455,98 mm (17,95 inch)
Chiều rộng	708,76 mm (27,90 inch)
Độ dày	237,61 mm (9,35 inch)
<b>Kích thước (không có giá đỡ)</b>	
Chiều cao	424,20 mm (16,70 inch)
Chiều rộng	708,76 mm (27,90 inch)
Độ dày	82,39 mm (3,24 inch)
<b>Kích thước giá đỡ</b>	
Chiều cao	420,30 mm (16,55 inch)
Chiều rộng	284,64 mm (11,21 inch)
Độ dày	237,61 mm (9,35 inch)
<b>Trọng lượng</b>	
Trọng lượng có thùng đựng	14,50 kg (31,97 lb)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	10,16 kg (22,40 lb)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp)	7,44 kg (16,40 lb)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	2,27 kg (5,00 lb)
Độ bóng khung trước	Khung đen 2-4 đơn vị bóng



## Đặc tính môi trường

<b>Mẫu</b>	<b>S3222DGM</b>
<b>Tiêu chuẩn phù hợp</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• Tuân thủ quy định RoHS</li><li>• Màn hình không chứa chất BFR/PVC (không tính các loại cáp bên ngoài).</li><li>• Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân.</li></ul>	
<b>Nhiệt độ</b>	
Sử dụng	0°C ~ 40°C (32°F ~ 104°F)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li><li>• Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li></ul>
<b>Độ ẩm</b>	
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bảo quản ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)</li><li>• Vận chuyển ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)</li></ul>
<b>Độ cao</b>	
Sử dụng (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)
Không sử dụng (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)
<b>Công suất tản nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 171,00 đơn vị nhiệt Anh(BTU)/giờ (tối đa)</li><li>• 95,76 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế độ bật)</li></ul>



## Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

## Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD



Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách Chất lượng và Điểm ảnh Màn hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại [www.dell.com/pixelguidelines](http://www.dell.com/pixelguidelines).



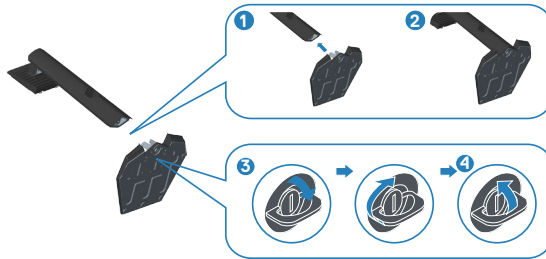


# Lắp đặt màn hình

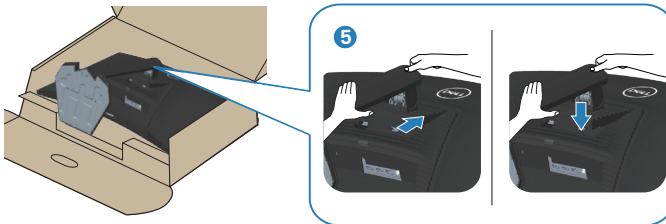
## Cắm giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

- Thực hiện theo các hướng dẫn trên nắp đậy thùng đựng để tháo giá đỡ khỏi miếng xốp giữ chặt phía trên.
- Lắp bộ chân đế vào thanh đứng.
- Mở tay vặn vít trên bộ chân đế và siết vít để gắn thanh đứng vào bộ chân đế.
- Đóng tay vặn vít.



- Trượt các then cài trên bộ giá đỡ vào các khe trên màn hình và ấn bộ giá đỡ xuống để giá được khóa cố định.



6. Đặt màn hình theo hướng thẳng đứng.



## Kết nối màn hình

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

**✍ LƯU Ý:** Không được cắm mọi loại cáp vào màn hình cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Kết nối cáp HDMI hoặc cáp DisplayPort từ màn hình với PC.

### Kết nối cáp HDMI và DisplayPort 1.2



3. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện trên tường.

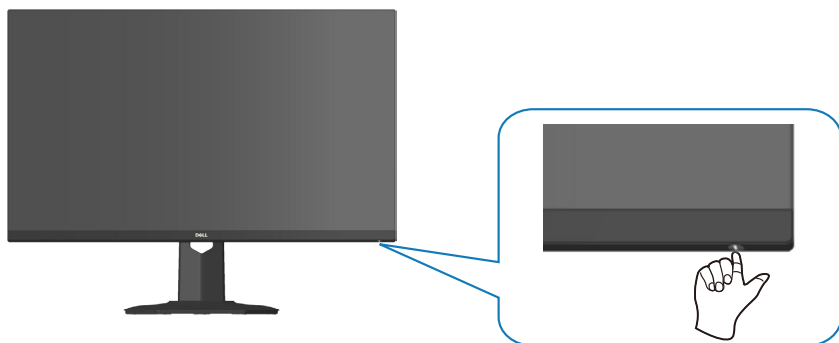


## Bộ trí các loại cáp

Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp cáp cắm vào màn hình.



### 4. Bật màn hình.



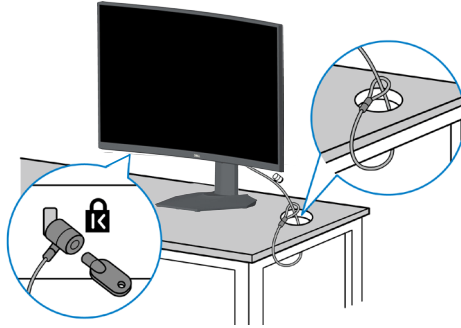
## Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Bạn có thể gắn chặt màn hình bằng khóa an toàn Kensington vào một vật cố định có thể đỡ được trọng lượng màn hình để ngăn nó vô tình rơi xuống.

Khe cắm khóa an toàn nằm ở phía dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#))

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng khóa Kensington (được mua riêng), hãy xem tài liệu được gửi kèm với khóa.

Buộc chặt màn hình vào bàn làm việc bằng khóa an toàn Kensington.



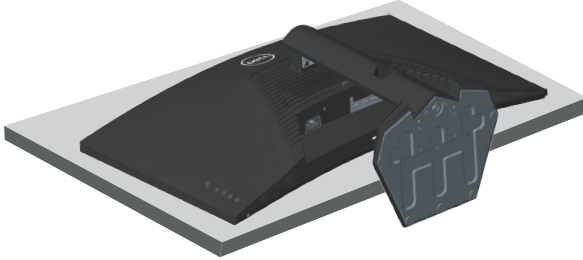
**LƯU Ý:** Hình ảnh chỉ được dùng vì mục đích minh họa. Hình dạng khóa có thể khác nhau.



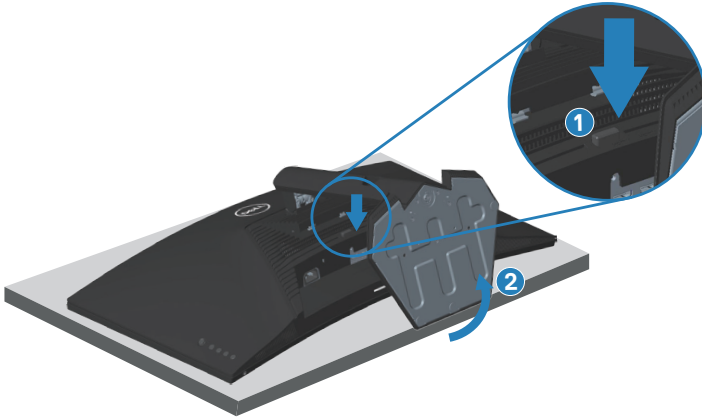
## Tháo giá đỡ

- LƯU Ý:** Để tránh cho màn hình khỏi bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
- LƯU Ý:** Chỉ áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

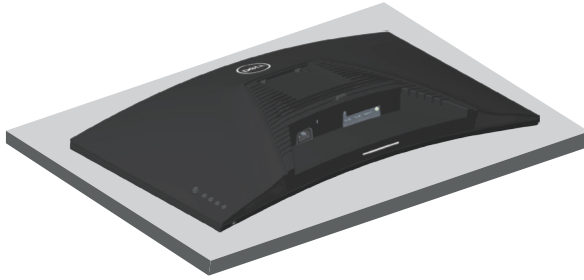
- Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót ở cạnh của bàn.



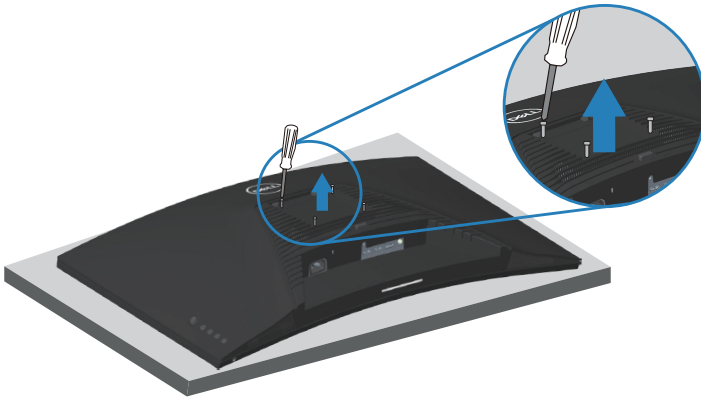
- Nhấn và giữ nút nhả giá đỡ ở phía sau màn hình.



3. Nhấc cụm giá đỡ lên và ra khỏi màn hình.



## Giá treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên một chiếc khăn mềm hoặc miếng đệm ở cạnh bàn làm việc.
2. Tháo giá đỡ. Xem [Tháo giá đỡ](#) .
3. Tháo bốn vít siết chặt nắp đậy phía sau màn hình.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
5. Để gắn màn hình lên tường, xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường.




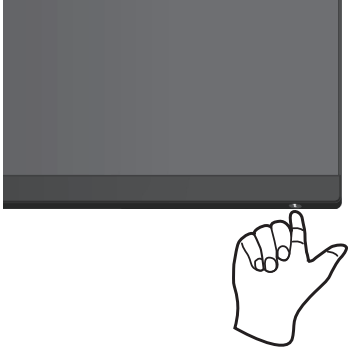
**LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo tường UL hoặc CSA hoặc giá treo tường liệt kê trong danh sách GS với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu 29,76 kg.**



# Sử dụng màn hình

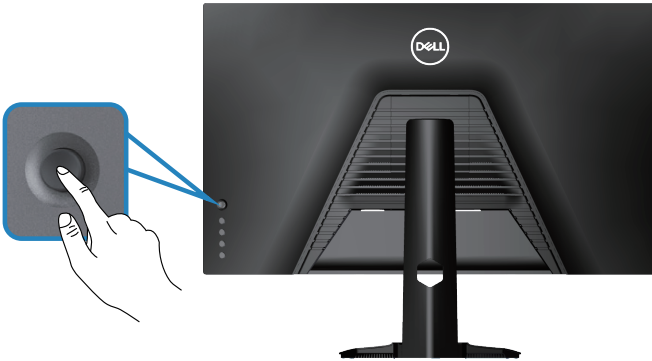
## Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.



## Sử dụng điều khiển nút chuyển hướng

Sử dụng nút chuyển hướng ở phía sau màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình.



1. Nhấn nút chuyển hướng để bật menu chính OSD.
2. Di chuyển nút chuyển hướng lên/xuống/sang trái/sang phải để chuyển đổi giữa các tùy chọn.
3. Nhấn lại nút chuyển hướng để xác nhận các cài đặt và thoát.





## Mô tả nút chuyển hướng

### Nút chuyển hướng



- Khi menu OSD bật, nhấn nút để xác nhận lựa chọn hoặc lưu cài đặt.
- Khi menu OSD tắt, nhấn nút này để bật menu chính OSD. Xem [Truy cập hệ thống menu](#).



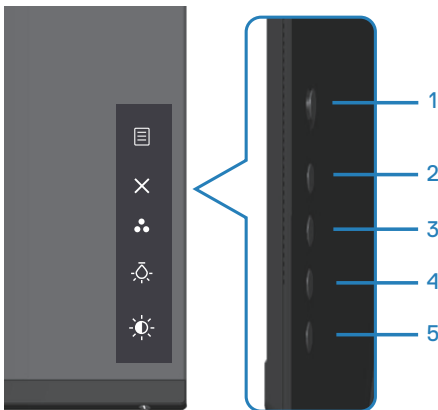
- Để điều hướng 2 chiều (phải và trái).
- Di chuyển sang phải để vào menu phụ.
- Di chuyển sang trái để thoát khỏi menu phụ.
- Tăng (bên phải) hoặc giảm (bên trái) các thông số của mục menu đã chọn.



- Để điều hướng 2 chiều (lên và xuống).
- Chuyển đổi giữa các mục menu.
- Tăng (lên) hoặc giảm (xuống) các thông số của mục menu đã chọn.






## Sử dụng các nút điều khiển

Sử dụng các nút điều khiển ở phía sau màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



## Các nút điều khiển

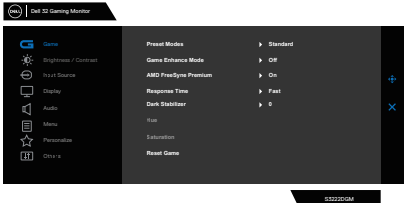
Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:

	Các nút điều khiển	Mô tả
1	 Menu	Sử dụng nút <b>Menu</b> khi khởi động menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
2	 Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
3	 Shortcut key (Phím tắt)/Preset Modes (Chế độ cài sẵn)	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ cài sẵn.
4	 Shortcut key (Phím tắt)/Downlight (Đèn nền)	Sử dụng nút này để bật hoặc tắt các đèn ở phía dưới màn hình.
5	 Shortcut key (Phím tắt)/Brightness (Độ sáng)	Sử dụng nút này để điều chỉnh độ sáng.



# Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)



## Truy cập hệ thống menu

Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
<b>G</b>	Game (Trò chơi)	
	<b>Preset Modes (Chế độ cài sẵn)</b>	<p>Khi chọn <b>preset modes (chế độ cài sẵn)</b>, bạn có thể chọn <b>Standard (Chuẩn)</b>, <b>FPS</b>, <b>MOBA/RTS</b>, <b>RPG</b>, <b>SPORTS</b>, <b>Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/Game 3 (Trò chơi 3)</b>, <b>ComfortView</b>, <b>Warm (Nóng)</b>, <b>Cool (Nguội)</b>, hoặc <b>Custom Color (Màu tùy chỉnh)</b> từ danh sách.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Standard (Chuẩn)</b>: Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.</li><li>• <b>FPS</b>: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Bắn súng góc nhìn người thứ nhất.</li><li>• <b>MOBA/RTS</b>: Tải cài đặt màu lý tưởng cho các trò chơi Đấu trường Chiến đấu Trực tuyến Nhiều Người chơi (MOBA) và Chiến lược Thời gian Thực (RTS).</li><li>• <b>RPG</b>: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Nhập vai.</li><li>• <b>SPORTS</b>: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi “THỂ THAO”.</li><li>• <b>Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/Game 3 (Trò chơi 3)</b>: Cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt màu theo nhu cầu chơi game của bạn.</li></ul>


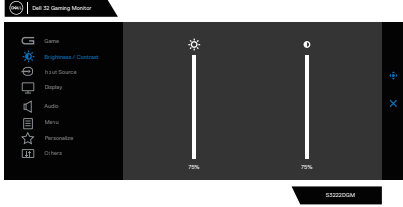




	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>ComfortView:</b> Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.</li> <li>• <b>CẢNH BÁO:</b> Các ảnh hưởng lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tật cá nhân như căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai. Để biết thêm chi tiết, xem <a href="#">Thiết kế công thái học</a>.</li> <li>• <b>Warm (Nóng):</b> Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.</li> <li>• <b>Cool (Nguội):</b> Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.</li> <li>• <b>Custom Color (Màu tùy chỉnh):</b> Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Di chuyển nút chuyển hướng để điều chỉnh các giá trị <b>Gain (Tăng cường)</b>, <b>Offset (Độ lệch)</b>, <b>Hue (Độ màu)</b> và <b>Saturation (Độ bão hòa)</b> và tạo chế độ màu cài sẵn của riêng bạn.</li> </ul>
<p><b>Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao)</b></p>	<p>Chỉnh Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao) sang Off (Tắt), Timer (Đồng hồ bấm giờ), Frame Rate (Tốc độ khung hình) hoặc Display Alignment (Căn chỉnh màn hình).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Off (Tắt):</b> Chọn để tắt các chức năng ở Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao).</li> <li>• <b>Timer (Hẹn giờ):</b> Cho phép bạn tắt hoặc bật bộ hẹn giờ ở góc trên bên trái màn hình. Bộ hẹn giờ hiển thị thời gian trôi qua kể từ khi trò chơi bắt đầu. Chọn một tùy chọn từ danh sách thời lượng để giúp bạn biết thời gian còn lại.</li> <li>• <b>Frame Rate (Tốc độ khung hình):</b> Chọn On (Bật) cho phép bạn hiển thị các khung hình hiện tại/giây khi chơi game. Tốc độ càng cao thì chuyển động hiển thị càng mượt mà.</li> </ul>


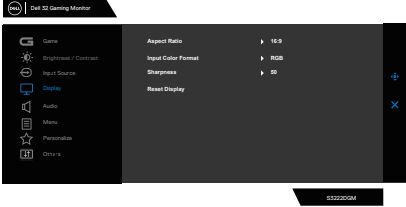



	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Display Alignment (Căn chỉnh màn hình):</b> Kích hoạt chức năng này có thể giúp đảm bảo sự liên kết hoàn hảo của các nội dung video từ nhiều màn hình.</li> </ul>
<b>AMD FreeSync Premium</b>	Cho phép bạn Bật hoặc Tắt tính năng AMD FreeSync Premium.
<b>Response Time (Thời gian phản hồi)</b>	Cho phép bạn cài Thời gian phản hồi sang Fast (Nhanh), Super Fast (Siêu nhanh), Extreme (Cực độ) hoặc MPRT.
<b>Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)</b>	Tính năng này cải thiện khả năng hiển thị trong các kịch bản chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3) thì khả năng hiển thị trong vùng tối của hình ảnh hiển thị càng rõ nét hơn.
<b>Hue (Tông màu)</b>	<p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu da mong muốn.</p> <p>Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh màu sắc từ 0 đến 100. Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng bóng xanh lục của hình ảnh video.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng xuống để tăng bóng màu tím của hình ảnh video.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Tính năng chỉnh tông màu chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn <b>FPS, MOBA/RTS, SPORTS</b> hoặc <b>RPG</b>.</p>
<b>Saturation (Độ bão hòa)</b>	<p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video.</p> <p>Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh độ bão hòa từ 0 - 100.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.</p> <p>Di chuyển nút chuyển hướng xuống để tăng hình dạng đơn sắc của hình ảnh video.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Tính năng chỉnh độ bão hòa chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn <b>FPS, MOBA/RTS, THỂ THAO</b> hoặc <b>RPG</b>.</p>






	<b>Reset Game (Cài lại game)</b>	Cài lại mọi cài đặt trong menu Game (Trò chơi) về giá trị cài đặt gốc.
	<b>Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>	Sử dụng menu này để chỉnh độ sáng và độ tương phản. 
	<b>Brightness (Độ sáng)</b>	Độ sáng sẽ chỉnh cường độ sáng của đèn nền (tối thiểu là 0; tối đa là 100). Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng độ sáng. Di chuyển nút chuyển hướng xuống để giảm độ sáng.
	<b>Contrast (Độ tương phản)</b>	Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản nếu cần điều chỉnh thêm. Di chuyển nút chuyển hướng lên để tăng độ tương phản và di chuyển nút chuyển hướng xuống để giảm độ tương phản (từ 0 đến 100). Chức năng độ tương phản cho phép chỉnh độ lệnh giữa mức tối và sáng trên màn hình.
	<b>Input Source (Nguồn vào)</b>	Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình. 
	<b>DP</b>	Chọn đầu vào DP khi bạn đang sử dụng đầu cắm DP (DisplayPort). Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.
	<b>HDMI 1</b>	Chọn đầu vào <b>HDMI 1</b> hoặc <b>HDMI 2</b> khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.
	<b>HDMI 2</b>	



	<b>Auto Select (Chọn tự động)</b>	Bật chức năng này để cho phép màn hình tự động quét tìm các nguồn đầu vào khả dụng. Nhấn nút chuyển hướng để xác nhận lựa chọn.
	<b>Reset Input Source (Cài lại đầu vào)</b>	Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu Input Source (Nguồn đầu vào) về giá trị mặc định gốc.
	<b>Display (Hiện thị)</b>	Sử dụng tính năng hiển thị để chỉnh hình ảnh. 
	<b>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</b>	Chỉnh tỷ lệ hình sang 16:9, Auto Resize (Tự chỉnh kích cỡ), 4:3 hoặc 1:1.
	<b>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</b>	Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>RGB (Đỏ-Lục-Lam):</b> Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu phát đa phương tiện) bằng cáp DisplayPort hoặc HDMI.</li> <li>• <b>YCbCr:</b> Chọn tùy chọn này nếu đầu ghi đa phương tiện của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr.</li> </ul> 
	<b>Sharpness (Độ sắc nét)</b>	Giúp hình ảnh thêm sắc nét hoặc mềm mại. Di chuyển nút chuyển hướng lên và xuống để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.
	<b>Reset Display (Cài lại hiển thị)</b>	Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.



	<b>Audio (Âm thanh)</b>	
	<b>Volume (Âm lượng)</b>	Cho phép cài mức âm lượng của nguồn ra tai nghe. Sử dụng nút chuyển hướng để điều chỉnh mức âm lượng từ 0 - 100.
	<b>Reset Audio (Cài lại âm thanh)</b>	Cài lại mọi cài đặt trong menu Audio (Âm thanh) về giá trị cài đặt gốc.
	<b>Menu</b>	Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD, chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...
	<b>Language (Ngôn ngữ)</b>	Cài hiển thị menu OSD sang một trong tám ngôn ngữ (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản Thể hoặc Nhật).
	<b>Transparency (Độ trong suốt)</b>	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách di chuyển nút chuyển hướng lên hoặc xuống (tối thiểu 0/tối đa 100).
	<b>Timer (Hẹn giờ)</b>	Thời gian chờ hiển thị trên màn hình (OSD): Cài thời lượng mà menu OSD tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút. Dùng nút chuyển hướng để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 - 60 giây.
	<b>Reset Menu (Cài lại menu)</b>	Cài lại mọi cài đặt trong menu Reset (Cài lại) về giá trị cài đặt gốc.

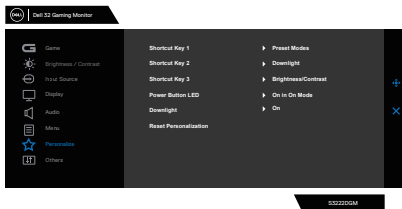






## Personalize (Cá nhân hóa)

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt cá nhân.



### Shortcut Key (Phím tắt) 1

Chọn từ Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Game Enhance Mode (Chế độ chơi game nâng cao), AMD FreeSync Premium, Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Input Source (Nguồn Vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ Khung hình), Volume (Âm lượng), Downlight (Đèn nền) để cài làm shortcut key (Phím tắt).

### Shortcut Key (Phím tắt) 2

### Shortcut Key (Phím tắt) 3

### Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)


Cho phép bạn cài trạng thái đèn nguồn để tiết kiệm điện.

### Downlight (Đèn nền)

Cho phép bạn bật hoặc tắt các đèn nền ở phía dưới màn hình.

Khi các đèn nền đang bật, chúng sẽ chiếu sáng màu xanh lam.


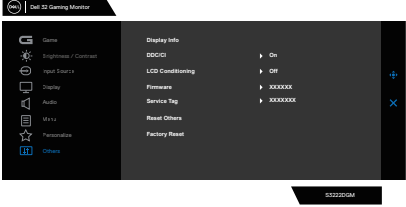
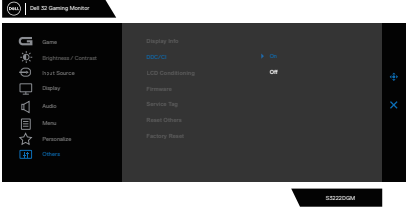
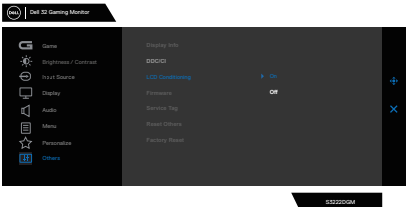
Để tắt cảm biến tiếp xúc, hãy chọn **Off (Tắt)**.

 **LƯU Ý:** Trên các mẫu màn hình được sản xuất từ tháng 7 năm 2021, bạn **chỉ** có thể bật hoặc tắt đèn chiếu sáng bằng menu OSD.


### Reset Pers- onalization (Cài lại cá nhân hóa)

Cài lại mọi cài đặt trong menu Personalize (Cá nhân hóa) về giá trị cài đặt gốc.



	<p><b>Others (Khác)</b></p>	<p>Thay đổi cài đặt menu OSD, như DDC/CI, LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), v.v...</p> 
	<p><b>Display Info (Hiện thị thông tin)</b></p>	<p>Hiện thị các cài đặt hiện tại của màn hình.</p>
	<p><b>DDC/CI</b></p>	<p>DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện lệnh) cho phép bạn điều chỉnh các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt). Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p> 
	<p><b>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</b></p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn On (Bật).</p> 
	<p><b>Firmware (Phần sụn)</b></p>	<p>Hiện thị phiên bản phần sụn về màn hình.</p>



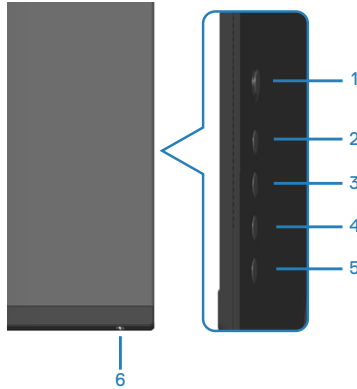
	<b>Service Tag (Thẻ dịch vụ)</b>	Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép Dell xác định thông số sản phẩm và truy cập thông tin bảo hành.   <b>LƯU Ý: Thẻ dịch vụ cũng được in trên một chiếc nhãn nằm ở phía sau phần nắp.</b>
	<b>Reset Others (Cài lại tùy chọn khác)</b>	Cài lại mọi cài đặt trong các menu cài đặt khác về giá trị cài đặt gốc.
	<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>	Khôi phục tất cả các giá trị cài sẵn về cài đặt thiết lập mặc định.

 **LƯU Ý: Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.**



## Khoá nút menu và nguồn

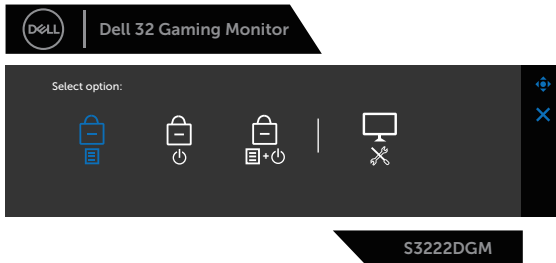
Ngăn người dùng truy cập hoặc thay đổi các cài đặt menu OSD trên màn hình.  
Theo mặc định, cài đặt khóa nút Menu và Nguồn sẽ bị tắt.



**LƯU Ý:** Để vào menu Lock (Khóa) hoặc Unlock (Mở khóa) - Nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây.

Để vào menu Lock (Khóa), nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây. Menu khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.

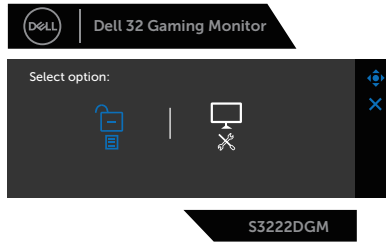
**LƯU Ý:** Bạn có thể vào menu khóa bằng cách này khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái mở khóa.







Để vào menu Unlock (Mở khóa), nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây. Menu mở khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.

**LƯU Ý:** Bạn có thể vào menu mở khóa khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái bị khóa..





Có ba tùy chọn khóa.


	<b>Menu</b>	<b>Mô tả</b>
1	Menu Buttons (Các nút Menu) 	Khi chọn <b>Menu Buttons (Các nút menu)</b> , bạn không thể đổi các cài đặt menu OSD. Tất cả các nút bị khóa trừ nút Nguồn.
2	Power Button (Nút Nguồn) 	Khi chọn <b>Power Button (Nút nguồn)</b> , bạn không thể tắt màn hình bằng nút nguồn.
3	Menu + Power Buttons (Các nút Menu + Power) 	Khi chọn <b>Menu + Power Buttons (Các nút Menu + Power)</b> , bạn không thể đổi các cài đặt menu OSD và nút nguồn sẽ bị khóa.
4	Chẩn đoán tích hợp 	Xem <a href="#">Chẩn đoán tích hợp</a> để biết thêm thông tin.

Trong các trường hợp sau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở giữa màn hình:

- Khi nhấn các nút chuyển hướng và điều khiển (nút 1-5). Điều này cho biết các nút menu OSD đang ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn nút Nguồn (nút 6). Điều này cho biết nút Nguồn ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn bất kỳ một trong sáu nút. Điều này cho biết các nút menu OSD và nút Nguồn ở trạng thái khóa.



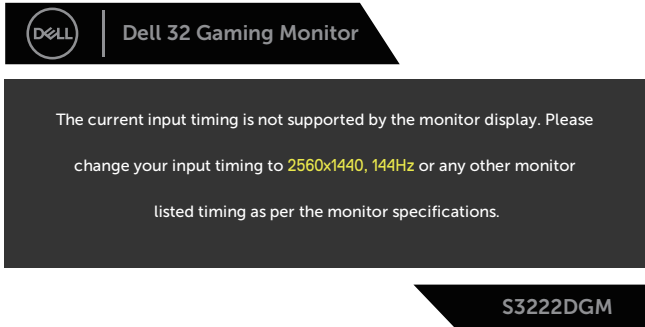
## Mở khóa nút menu OSD và nút Nguồn:

1. Nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây. Menu mở khóa sẽ hiển thị.
2. Chọn biểu mở khóa  để mở khóa các nút trên màn hình.



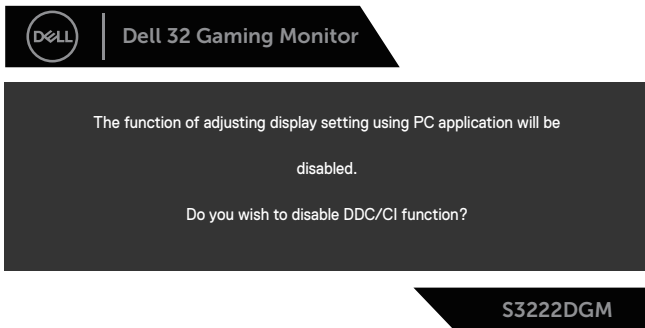
## Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết dải tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) thích hợp cho màn hình này. Chế độ khuyên dùng là 2560 x 1440.

Trước khi tắt chức năng **DDC/CI**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Khi màn hình vào **Standby Mode (Chế độ chờ)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



Nếu chưa cắm cáp HDMI hoặc DisplayPort, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào Standby Mode (Chế độ chờ) sau 4 phút nếu vẫn còn ở trạng thái này.



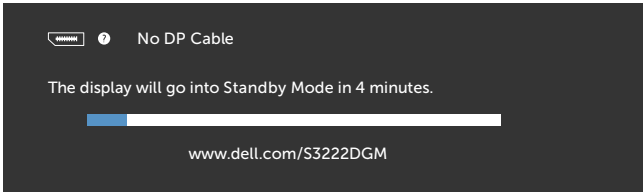
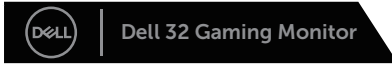
hoặc



hoặc

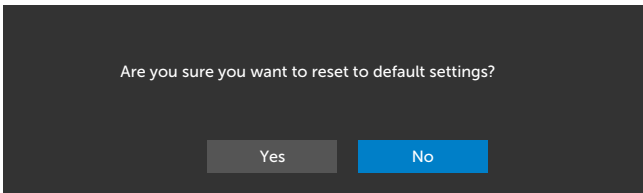






S3222DGM

Khi bạn chọn các mục OSD từ Factory Reset (Cài về mặc định gốc) trong tính năng Other (Khác), thông báo sau đây sẽ hiển thị:



S3222DGM

Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



## Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách sổ xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhấp **OK**.

In Windows® 10:

1. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt màn hình nâng cao)**.
3. Nhấp danh sách sổ xuống của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không nhìn thấy **2560 x 1440** như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập Thẻ dịch vụ máy tính của bạn và tải về trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

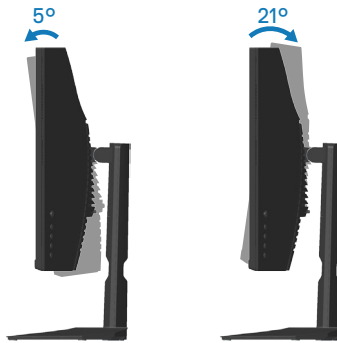
- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.



## Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc

**LUU Ý:** Những giá trị này áp dụng đối với chân đế được gửi kèm màn hình của bạn. Để thiết lập với bất kỳ giá đỡ nào khác, xem tài liệu hướng dẫn được gửi kèm theo giá đỡ.

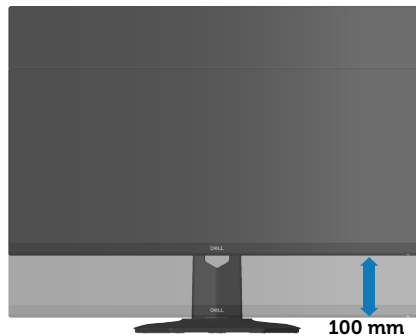
### Mở rộng nghiêng



**LUU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

### Kéo dài chiều dọc

**LUU Ý:** Chân đế này có thể được kéo dài theo chiều dọc lên tới 100 mm.



## Thiết kế công thái học

△ **CHÚ Ý:** Việc sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc kéo dài có thể dẫn đến chấn thương.

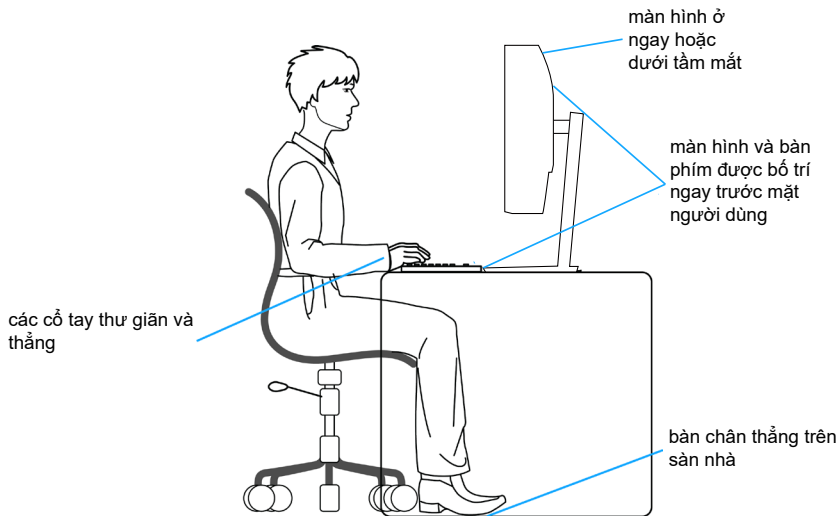
△ **CHÚ Ý:** Xem màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả, hãy tuân thủ các hướng dẫn sau khi thiết lập và sử dụng máy tính trạm của bạn:

- Bố trí máy tính sao cho màn hình và bàn phím ở ngay trước bạn khi làm việc. Các kệ đặc biệt có bán trên thị trường để giúp bạn bố trí bàn phím đúng vị trí.
- Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/cánh tay/lưng/vai vì sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên bạn:
  1. Đặt màn hình cách mắt bạn từ 50 - 70 cm (20 - 28 inch).
  2. Thường xuyên nháy mắt để làm ẩm mắt hoặc nhỏ mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài.
  3. Thường xuyên nghỉ giải lao đều đặn trong 20 phút mỗi hai giờ.
  4. Tránh nhìn màn hình và nhìn chăm chú vào một vật ở xa cách 20 foot trong ít nhất 20 giây khi nghỉ giải lao.
  5. Tiến hành căng cơ để giảm căng cổ, cánh tay, lưng và vai khi nghỉ giải lao.
- Đảm bảo màn hình nằm ngang tầm mắt hoặc thấp hơn một chút khi bạn ngồi trước màn hình.
- Điều chỉnh độ nghiêng, cài đặt độ tương phản và độ sáng màn hình.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh bạn (như đèn trên cao, đèn bàn và rèm cửa hoặc rèm trên cửa sổ gần đó) để giảm thiểu phản xạ và ánh sáng chói trên màn hình.
- Sử dụng loại ghế ngồi đỡ được phần lưng dưới.
- Giữ cẳng tay ngang với cổ tay ở vị trí trung gian, thoải mái trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Luôn chừa không gian để nghỉ tay trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Hãy để cánh tay trên của bạn nghỉ ngơi tự nhiên ở cả hai bên.
- Đảm bảo bàn chân đang đặt thẳng trên sàn nhà.
- Khi ngồi, hãy chắc chắn rằng trọng lượng chân của bạn dồn lên đôi bàn chân chứ không phải dồn lên phần trước ghế. Điều chỉnh độ cao ghế hoặc sử dụng chân ghế nếu cần để duy trì tư thế thích hợp.
- Thay đổi các hoạt động công việc của bạn. Cố gắng sắp xếp công việc để bạn không phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. Cố gắng đứng hoặc dùng dây và đi bộ đều đặn.



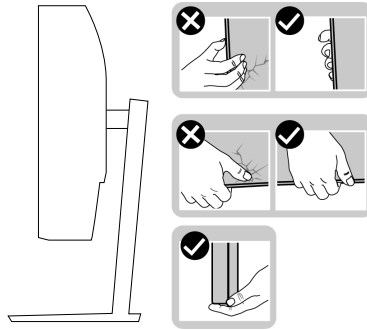
- Giữ khu vực dưới bàn làm việc không có các vật cản và dây cáp hoặc dây điện có thể gây cản trở cho chỗ ngồi thoải mái hoặc gây nguy hiểm cho khả năng đi lại.



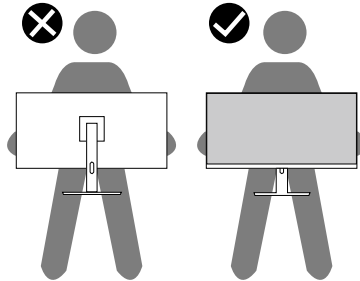
## Cầm nắm và di chuyển màn hình

Để đảm bảo màn hình được cầm nắm an toàn khi nâng hoặc di chuyển nó, hãy thực hiện theo các hướng dẫn như đề cập dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, hãy tắt máy tính và màn hình.
- Rút tất cả các dây cáp khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào thùng đựng gốc cùng các vật liệu đóng gói ban đầu.
- Giữ chắc cạnh dưới và cạnh bên màn hình mà không gây áp lực quá mức khi nâng hoặc di chuyển màn hình.

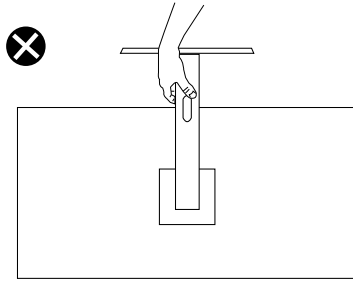


- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, đảm bảo màn hình quay mặt ra khỏi bạn và không ấn vào vùng hiển thị để tránh gây ra mọi vết trầy xước hoặc hư hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh mọi va đập hoặc rung động bất ngờ đối với màn hình.
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không lật ngược màn hình trong khi giữ chân đế hoặc giá đỡ. Điều này có thể gây hỏng ngẫu nhiên cho màn hình hoặc gây thương tích cá nhân.





## Hướng dẫn bảo dưỡng

### Vệ sinh màn hình

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

⚠ **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



# Khắc phục sự cố

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

## Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.

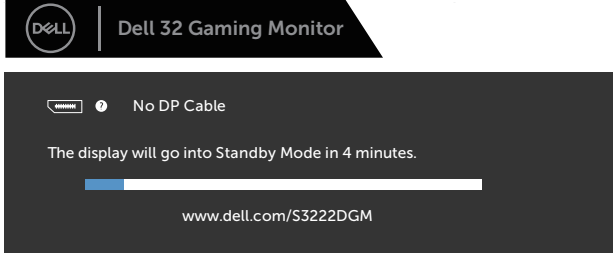


hoặc





hoặc



S3222DGM

**LUU Ý:** Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình của bạn.

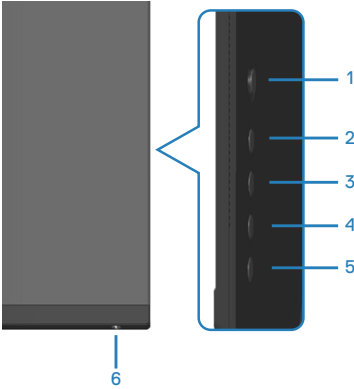
Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



## Chẩn đoán tích hợp

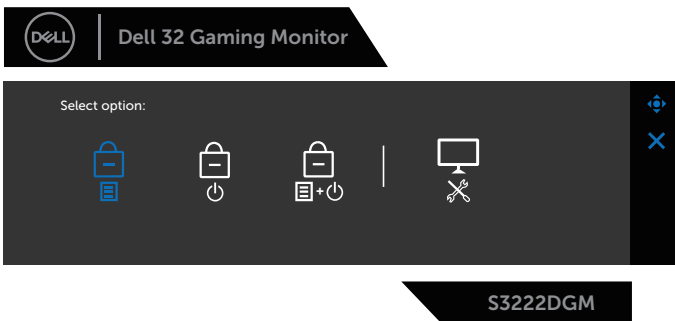
Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

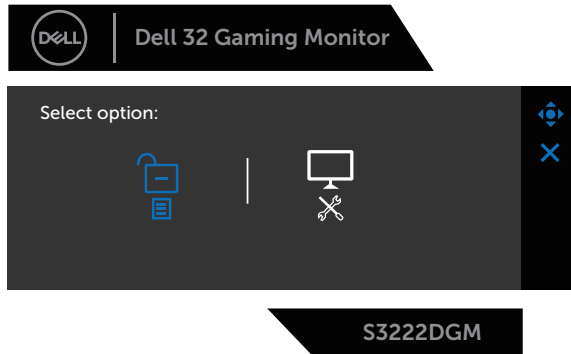
**LƯU Ý:** Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.




Để chạy công cụ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây để vào menu khóa/mở khóa OSD.





4. Di chuyển nút chuyển hướng sang biểu tượng Diagnostic (Chẩn đoán)  để chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
5. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
6. Nhấn nút chuyển hướng để thay đổi các kiểu kiểm tra.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu đỏ, lục, lam, đen, trắng và kiểu văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình kiểu văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại hướng nút chuyển hướng thích hợp .

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động thích hợp. Kiểm tra card video và máy tính.



## Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	<p>Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.</li><li>• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.</li><li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn tin hiệu vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn vào)</a>.</li></ul>
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.</li><li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.</li><li>• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.</li><li>• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn tin hiệu vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn vào)</a>.</li></ul>
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none"><li>• Rút cáp mở rộng video.</li><li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li><li>• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.</li></ul>
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.</li></ul>



Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chu kỳ bật/tắt nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li> <li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li> </ul>
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chu kỳ bật/tắt nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li> <li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li> </ul>
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li> <li>• Chỉnh các mức độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li> </ul>
Méo hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li> <li>• Chỉnh các nút điều khiển ngang &amp; dọc qua menu OSD.</li> </ul>
Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.</li> <li>• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.</li> <li>• Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.</li> </ul>



Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ ngay với Dell.</li> </ul>
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> </ul>
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.</li> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.</li> </ul>
Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đổi <b>Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu)</b> trong menu OSD cài đặt <b>Color (Màu sắc)</b> sang <b>Graphics (Ảnh đồ họa)</b> hoặc <b>Video</b> tùy vào ứng dụng.</li> <li>• Thử các <b>Preset Modes (Chế độ cài sẵn)</b> trong menu OSD cài đặt <b>Color (Màu sắc)</b>. Chính giá trị <b>R/G/B</b> trong <b>Custom Color (Màu tùy chỉnh)</b> trên menu OSD cài đặt <b>Color (Màu sắc)</b>.</li> <li>• Đổi <b>Input Color Format (Định dạng màu vào)</b> sang <b>RGB</b> hoặc <b>YPbPr</b> trên menu OSD cài đặt <b>Color (Màu sắc)</b>.</li> <li>• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài màn hình để tự tắt sau vài phút ở chế độ chờ. Có thể điều chỉnh tính năng này trong cài đặt Windows Power Options hoặc Mac Energy Saver.</li> <li>• Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.</li> </ul>
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi <b>Response Time (Thời gian phản hồi)</b> trong menu OSD <b>Display (Hiện thị)</b> sang <b>Fast (Nhanh)</b>, <b>Super Fast (Siêu nhanh)</b>, <b>MPRT</b> hoặc <b>Extreme (Cực độ)</b> tùy thuộc vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.</li> </ul>




## Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</b> trên menu OSD cài đặt <b>Display (Hiển thị)</b>.</li><li>• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (<b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b>).</li></ul>
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút phía dưới.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.</li><li>• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút 5 trong bốn giây để mở khóa.</li></ul>
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở Chế độ chờ bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li><li>• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.</li><li>• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.</li></ul>
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.</li><li>• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li></ul>



# Phụ lục

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy tham khảo **Thông tin về An toàn, Môi trường và Quy định (SERI)**.

## Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để xem các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)

## Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

S3222DGM : <https://eprel.ec.europa.eu/qr/591357>

